

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04-2024-NM/Công ty TNHH Nam Phương V.N/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH NAM PHƯƠNG V.N

Địa chỉ: 124 Lê Lai, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+84 28) 37963804 Fax: (+84 28) 37963805

E-mail: namphuongfood@vnn.vn

Mã số doanh nghiệp: 0303205976

Số Giấy chứng nhận cơ sở đạt chứng nhận FSSC 22000: FSSC 682449.

Ngày cấp chứng nhận ban đầu: 17/04/2018.

Nơi cấp: Tổ chức chứng nhận của Viện Tiêu Chuẩn Anh-BSI.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC MẮM ĐẶC BIỆT HẢI NHI**

2. Thành phần: 100% nước mắm cá cơm Phú Quốc (cá, muối)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Sản phẩm được chứa đựng trong chai thủy tinh (đảm bảo an toàn thực phẩm) với các thể tích thực: 50 ml, 250 ml, 500 ml, 750 ml, 1 lít, 2 lít, 3 lít, 5 lít hoặc theo nhu cầu kinh doanh của công ty.

Sau khi đóng chai, sản phẩm được đóng thùng carton với số lượng 06 chai/thùng, 12 chai/thùng, 24 chai/thùng hoặc theo nhu cầu kinh doanh của công ty.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nguồn nguyên liệu nước mắm được sản xuất tại: CÔNG TY TNHH QUỐC VỊ

Địa chỉ: 287/9 Đường 30/4, KP1, TT.Dương Đông, H.Phú Quốc, T.Kiên Giang, Việt Nam.

Đóng chai tại: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM BAO BÌ THANH THỦY

Địa chỉ: Số 6, đường số 10, KCN Việt Nam-Singapore, phường An Phú, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đạt chứng nhận FSSC 22000: FSSC 688402. Ngày cấp chứng nhận ban đầu: 02/03/2019. Nơi cấp: Tổ chức chứng nhận của Viện Tiêu Chuẩn Anh-BSI

Phân phối bởi: CÔNG TY TNHH INTERNATIONAL FOOD MASTER

Địa chỉ: Lô C2-3, đường D2, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Mẫu nhãn sản phẩm đính kèm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Chỉ tiêu vi sinh:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10^4
2	Coliforms	CFU/ml	10^2
3	<i>E.coli</i>	CFU/ml	Không có
4	<i>S.aureus</i>	CFU/ml	3
5	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	10
6	<i>Salmonella</i>	/25ml	Không có
7	<i>V.Parahaemolyticus</i>	CFU/ml	10

- Chỉ tiêu kim loại nặng Theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Nhóm nước chấm)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Arsen (As) (vô cơ)	ppm	1,00
2	Cadimi (Cd)	ppm	1,00
3	Chì (Pb)	ppm	2,00
4	Thủy ngân (Hg)	ppm	0,05

- Chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
1	Hàm lượng Nitơ toàn phần, không nhỏ hơn	g/l	40
2	Hàm lượng nitơ axit amin, so với nitơ toàn phần, không nhỏ hơn	%	35
3	Hàm lượng nitơ amoniac, so với hàm lượng nitơ toàn phần, không lớn hơn	%	30
4	Độ pH		5,0 – 6,5
5	Hàm lượng muối natri clorua	g/l	245 - 280

- Thành phần dinh dưỡng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
1	Năng lượng, trong khoảng	Kcal/100 ml	100,0 – 116,0
2	Hàm lượng chất béo, trong khoảng	g/100 ml	0 – 0,5

3	Hàm lượng carbohydrat, trong khoảng	g/100 ml	0 – 0,5
4	Hàm lượng chất đạm, trong khoảng	g/100 ml	25,0 – 27,5
5	Hàm lượng đường tổng số, trong khoảng	g/100 ml	0 – 0,5
6	Hàm lượng chất béo bão hòa, trong khoảng	g/100 ml	0 – 0,1
7	Hàm lượng Natri, trong khoảng	mg/100 ml	6860,0 – 12740,0

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP: Về nhãn hàng hóa.
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Thông Tư số 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC KHÔI NHÀ MÁY



ĐẶNG THỊ MỸ CẨM

Mẫu nhãn sản phẩm




100% Tự nhiên

NƯỚC MẮM ĐẶC BIỆT
chỉ từ Cá & Muối

HÀi NHÌ

cho con

là tình yêu của Mẹ

Protein 250 g/l

Hơn 12 Acid Amin

Không thêm chất bảo quản*

40
Độ Dặm



00320392 - C.T. N.H.H * ANH NHÌ

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM PHƯƠNG VINH

0.60 VẤP - T.P. HỒ CHÍ MINH

HÀi NHÌ

cho con

100% TỰ NHIÊN

Nguồn nguyên liệu Phú Quốc

Nguồn nguyên liệu nước mắm được sản xuất tại Công ty TNHH Quốc Vị, 287/9 Đường 30/4, KP1, TT. Dương Đông, H. Phú Quốc, T. Kiên Giang, Việt Nam.

Thành phần: 100% nước mắm cá cơm Phú Quốc (cá, muối).

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chấm, nêm gia vị nấu ăn hàng ngày cho bé. Lưu ý đối với những người có khả năng mẫn cảm và dị ứng với các thành phần trên.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp. Đây nắp kín sau khi sử dụng. **Thông tin cảnh báo:** Hiện tượng kết tinh muối và sẫm màu theo thời gian là hiện tượng tự nhiên, không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Ngày sản xuất: 18 tháng trước hạn sử dụng.

HSD:

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml	
Năng Lượng	105 kcal
Chất đạm	26,3 g
Natri	9800 mg

Sản phẩm của Công ty TNHH Nam Phương VN
124 Lê Lai, Phường 3, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Đóng chai tại Công ty TNHH Chế Biến Thực Phẩm Bảo Bì Thanh Thủy
Số 6, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Phân phối bởi Công ty TNHH International Food Master
Lô C2-3, đường D2, KCN Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

ĐT tư vấn: 1900 55 88 56

ISO 22000, ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001

*Cm kết tinh hiện chỉ bảo quản quá trình đóng chai tại công ty.

GIẤM ĐỐC

THỂ TÍCH THỰC: 250 ml

TRÁCH NHIỆM NHÀ MÁY



8 936028 043373

Sản xuất tại Việt Nam

Đặng Thị Mỹ Cẩm

Mẫu nhãn sản phẩm





**100%
tự nhiên**

NƯỚC MẮM ĐẶC BIỆT
chỉ từ Cá & Muối

HÀi NHÌ

cho con

là tình yêu của Mẹ

Protein 250 g/l

Hơn 12 Acid Amin

Không thêm chất bảo quản*

40

Độ Đậm

HÀi NHÌ cho con

100% TỰ NHIÊN

Nguồn nguyên liệu Phú Quốc

Thành phần: 100% nước mắm cá cơm Phú Quốc (cá, muối).

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chấm, làm gia vị nấu ăn hàng ngày cho bé. Lưu ý đối với những người có khả năng mẫn cảm và dị ứng với các thành phần trên.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp. Đậy nắp kín sau khi sử dụng. **Thông tin cảnh báo:** Hiện tượng kết tinh muối và sẫm màu theo thời gian là hiện tượng tự nhiên, không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Ngày sản xuất: 18 tháng trước hạn sử dụng.

Ngày đóng chai:

HSD:

Nguồn nguyên liệu nước mắm được sản xuất tại Công ty TNHH Quốc Vị - 287/9 Đường 30/4, KP1, TT. Dương Đông, H. Phú Quốc, T. Kiên Giang, Việt Nam.

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml

Năng lượng	105 kcal
Chất đạm	26,3 g
Natri	9800 mg

ISO 22000, ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001

ĐT tư vấn: 1900 55 88 56

8 936028 043366

Sản xuất tại Việt Nam

* Cam kết không thêm chất bảo quản trong quá trình đóng chai lại công ty.

Sản phẩm của Công ty TNHH Nam Phương V.N
124 Lê Lai, Phường 3, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Đóng chai tại Công ty TNHH Chế Biến Thực Phẩm Bảo Bì Thanh Thủy
Số 6, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore,
P. An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Phân phối bởi Công ty TNHH International Food Master
Lô C2-3, đường D2, KCN Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

GIÁM ĐỐC THỰC THỰC: 50 ml

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Đông Anh Mỹ Tâm

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00119526
Mã số kết quả : AR-23-VD-123448-01-VI / EUVNHC-00232982



Công Ty TNHH Nam Phương V.N

124 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : Nước mắm đặc biệt Hải Nhi
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 19/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 20/09/2023 - 25/09/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 25/09/2023
Mã số PO của khách hàng : XJ8V2309191893



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD222 VD (a) Nitơ	g/ l	TCVN 3705:1990	40.5
2	VD231 VD (a) Nitơ-amoniác (NH ₃ -N)	g/ l	TCVN 3706:1990	4.83
3	VD232 VD (a) Nitơ Amin-Amoniác	g/ l	TCVN 3707:1990	30.0
4	VD976 VD Nitơ-Amoniác / Nitơ tổng	%	TCVN 3705:1990; TCVN 3706:1990	11.9
5	VD269 VD (a) Muối (NaCl)	g/ l	EVN-R-RD-2-TP-3501 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	256
6	VD103 VD (a) Độ acid (tính theo acid acetic)	g/ l	TCVN 3702:2009	12.42
7	VD242 VD (a) pH		TCVN 7806:2007 (ISO 1842:1991)	5.72
8	VD882 VD Nitơ-Acid Amin / Nitơ tổng	%	TCVN 3705:1990; TCVN 5107:2018	62.2
9	VD1NF VD (a) Nitơ-acid amin	g/ l	TCVN 5107:2018	25.2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/09/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/09/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00119528
Mã số kết quả : AR-23-VD-123365-01-VI / EUVNHC-00232982


Công Ty TNHH Nam Phương V.N

124 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : Nước mắm đặc biệt Hải Nhi
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 19/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 20/09/2023 - 23/09/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 25/09/2023
Mã số PO của khách hàng : XJ8V2309191893

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD859 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
2	VD853 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/ l	AOAC 2015.01	0.11
3	VD854 VD (a) Chì (Pb)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.04)
4	VD2H8 VD Arsen vô cơ (As)	mg/ l	EVN-R-RD-2-TP-3601 (Ref IMEP-41& AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.015)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/09/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/09/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng. "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00119529
Mã số kết quả : AR-23-VD-123366-01-VI / EUVNHC-00232982



Công Ty TNHH Nam Phương V.N

124 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

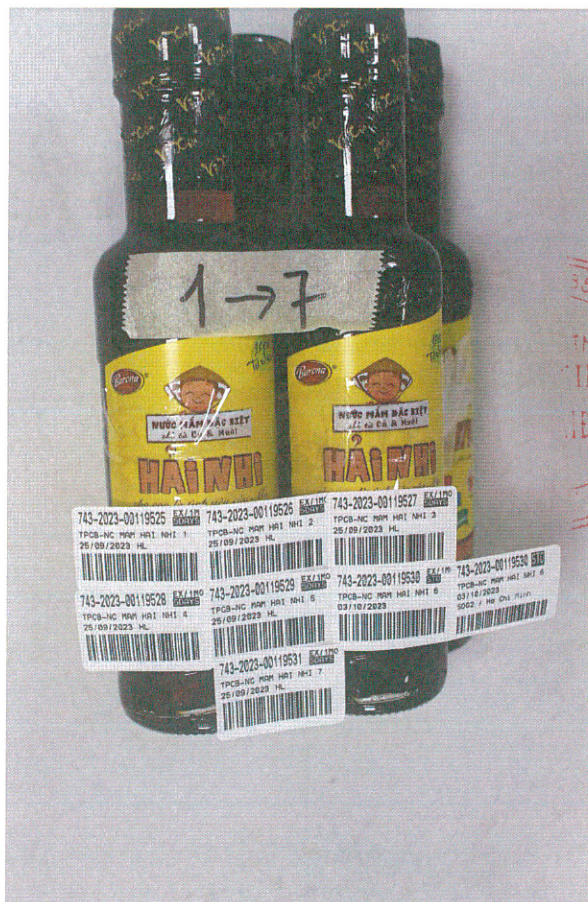
Tên mẫu : Nước mắm đặc biệt Hải Nhi
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 19/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 20/09/2023 - 22/09/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 25/09/2023
Mã số PO của khách hàng : XJ8V2309191893

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD30A VD (a) Kali sorbat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD30B VD (a) Natri benzoat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD2C7 VD (a) Benzoic acid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD2CA VD (a) Sorbic acid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD39H VD Ethylenediaminetetraacetic acid (EDTA)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-14580 (Ref. Development and validation of a method for the determination of EDTA in non-alcoholic drinks by HPLC)	Không phát hiện (LOD=0.5)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/09/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/09/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00119531
Mã số kết quả : AR-23-VD-123367-01-VI / EUVNHC-00232982



Công Ty TNHH Nam Phương V.N

124 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : Nước mắm đặc biệt Hải Nhi
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 19/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 20/09/2023 - 22/09/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 25/09/2023
Mã số PO của khách hàng : XJ8V2309191893

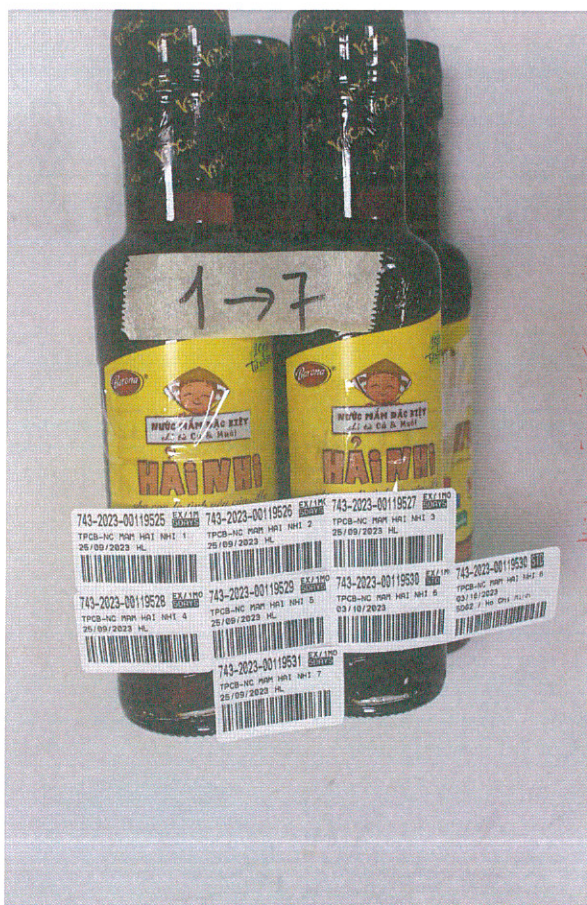
STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM		ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDAK2 VD	4-hydroxyproline	g/ 100 g	AOAC 994.12; ISO 13903:2005; TCVN 8764:2012	0.071
2	VDAK2 VD	Acid aspartic (Tổng)	g/ 100 g	AOAC 994.12; ISO 13903:2005; TCVN 8764:2012	1.974
3	VDAK2 VD	Acid glutamic (tổng)	g/ 100 g	AOAC 994.12; ISO 13903:2005; TCVN 8764:2012	3.493
4	VDAK2 VD	Alanin (Tổng)	g/ 100 g	AOAC 994.12; ISO 13903:2005; TCVN 8764:2012	1.455
5	VDAK2 VD	Amino acid (tổng)	g/ 100 g	AOAC 994.12; ISO 13903:2005; TCVN 8764:2012	15.90
6	VDAK2 VD	Arginine (Tổng)	g/ 100 g	AOAC 994.12; ISO 13903:2005; TCVN 8764:2012	0.131
7	VDAK2 VD	Glycin (Tổng)	g/ 100 g	AOAC 994.12; ISO 13903:2005; TCVN 8764:2012	1.565
8	VDAK2 VD	Histidin (Tổng)	g/ 100 g	AOAC 994.12; ISO 13903:2005; TCVN 8764:2012	0.739
9	VDAK2 VD	Isoleucin (Tổng)	g/ 100 g	AOAC 994.12; ISO 13903:2005; TCVN 8764:2012	0.333
10	VDAK2 VD	Leucin (Tổng)	g/ 100 g	AOAC 994.12; ISO 13903:2005; TCVN 8764:2012	0.353
11	VDAK2 VD	Lysin (Tổng)	g/ 100 g	AOAC 994.12; ISO 13903:2005; TCVN 8764:2012	1.844
12	VDAK2 VD	Phenylalanin (Tổng)	g/ 100 g	AOAC 994.12; ISO 13903:2005; TCVN 8764:2012	0.470
13	VDAK2 VD	Prolin (Tổng)	g/ 100 g	AOAC 994.12; ISO 13903:2005; TCVN 8764:2012	0.788
14	VDAK2 VD	Serin (Tổng)	g/ 100 g	AOAC 994.12; ISO 13903:2005; TCVN 8764:2012	0.754
15	VDAK2 VD	Threonin (Tổng)	g/ 100 g	AOAC 994.12; ISO 13903:2005; TCVN 8764:2012	0.923
16	VDAK2 VD	Tyrosin (Tổng)	g/ 100 g	AOAC 994.12; ISO 13903:2005; TCVN 8764:2012	0.108



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
17	VDAK2 VD Valin (Tổng)	g/ 100 g	AOAC 994.12; ISO 13903:2005; TCVN 8764:2012	0.940

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/09/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/09/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng. "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00119532
Mã số kết quả : AR-23-VD-123368-01-VI / EUVNHC-00232982 - 01



Công Ty TNHH Nam Phương V.N

124 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : Nước mắm đặc biệt Hải Nhi
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 19/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 20/09/2023 - 23/09/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 25/09/2023
Mã số PO của khách hàng : XJ8V2309191893

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD333 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ ml	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	9.0x10 ⁰

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/09/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/09/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận điện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VIAS 238.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00119532
Mã số kết quả : AR-23-VD-123368-01-VI / EUVNHC-00232982 - 02



Công Ty TNHH Nam Phương V.N

124 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : Nước mắm đặc biệt Hải Nhi
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 19/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 20/09/2023 - 23/09/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 25/09/2023
Mã số PO của khách hàng : XJ8V2309191893

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD344 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ ml	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=1)
2	VD369 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 ml	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
3	VD374 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ ml	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=1)
4	VD0G7 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ ml	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=1)
5	VD1ZM VD <i>Vibrio parahaemolyticus</i>	cfu/ ml	TCVN 5648:1992 mod.	Không phát hiện (LOD=1)
6	VD0G4 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ ml	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	2.6x10 ²

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/09/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/09/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



Report N°: 0000509973

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: April 26, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 26/04/2024

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2404A-2409

Đơn hàng: 2404A-2409

CLIENT'S NAME : NAM PHUONG V.N CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH NAM PHƯƠNG V.N

CLIENT'S ADDRESS : 124 LE LAI STREET, WARD 3, GO VAP DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIETNAM
Địa chỉ : 124 LÊ LAI, PHƯỜNG 3, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng
Client's reference : Nước mắm đặc biệt Hải Nhi
Chú thích của khách hàng :

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Fish sauce (approx. gr. wt. 1.1kg) in 02 full labeled glass
Mô tả mẫu : containers
: Nước mắm (khoảng 1.1kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng
thủy tinh nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2404A-2409.001
Mã số mẫu :

Date sample(s) received : April 19, 2024
Ngày nhận mẫu : 19/04/2024

Testing period : April 19, 2024 - April 25, 2024
Thời gian thử nghiệm : 19/04/2024 - 25/04/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000509973

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total nitrogen Hàm lượng nitơ tổng	TCVN 3705:1990	4.11	0.1	0.32	g/100mL	
2. Crude protein Đạm thô	TCVN 3705:1990	25.71	0.6	2	g/100mL	N x 6.25
3. Carbohydrate (not including dietary fiber) Carbohydrat (không bao gồm xơ)	AOAC 2020.07	0.50	0.08	0.25	g/100mL	
4. Energy - Viet Nam (VN) market Năng lượng - Thị trường Việt Nam	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(Δ)	105	-	-	kcal/100mL	
5. Total sugars (as sucrose) Đường tổng (quy về sucroza)	LFOD-TST-SOP-8126 (Luff-Schoorl method)	<0.5	0.15	0.5	g/100mL	
6. Total fat (sum of fatty acids, expressed as triglycerides) Béo tổng (tổng của các axit béo, quy về triglycerides)	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	0.0200	0.0001	0.0003	g/100mL	
7. Saturated fatty acids (SFA) Hàm lượng axit béo bão hòa (SFA)	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	0.0083	0.0001	0.0003	g/100mL	
8. Sodium (Na) Natri	AOAC 2011.14	9231	-	1	mg/100mL	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOAC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOAC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward,
 Tân Phú Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000509973

Page N° 3/4

LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

- (VN) Carbohydrate (not including dietary fiber) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g
1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003)).

(VN) Hệ số của carbohydrate (không bao gồm xơ): 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g
1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO – Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003))

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000509973

Page N° 4/4

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.